

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ ỨNG DỤNG
BỘ MÔN KỸ NĂNG MỀM



KỸ NĂNG

TƯ DUY SÁNG TẠO

*(Bậc Đại học chương trình Chất lượng cao, Đặc biệt, Quốc tế và Đại trà;
dùng cho cả bậc Cao đẳng chương trình Chất lượng cao, Đại trà
học phần kỹ năng Tư duy hiệu quả)*

Chủ biên: ThS. Trần Hữu Trần Huy
Thành viên biên soạn:

ThS. Lại Thế Luyện
ThS. Nguyễn Thị Trường Hân
ThS. Nguyễn Đông Triều

Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2019

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, thực trạng vấn đề tuyển dụng tại đa số các doanh nghiệp cho thấy: hầu hết sinh viên mới ra trường có tỉ lệ thành công khi xin việc là rất thấp. Bên cạnh những thiếu thốn nhất định về kiến thức chuyên ngành, một lý do quan trọng phải kể đến đó chính là việc thiếu các kỹ năng mềm cần thiết để hòa nhập và thành công trong công việc. Đáp ứng nhu cầu lớn lao đó, Bộ môn Kỹ năng mềm ra đời nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng thiết yếu để các bạn có được nhiều lợi thế cạnh tranh hơn trong quá trình học tập cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này. Trong những kỹ năng đó, có thể nói, tư duy hiệu quả và sáng tạo là một kỹ năng vô cùng quan trọng.

Tập bài giảng các bạn đang cầm trên tay sẽ chia sẻ những nội dung cốt lõi của tư duy hiệu quả và sáng tạo, từ những vấn đề lý luận căn bản đến những hướng dẫn cụ thể để hình thành và phát triển các kỹ năng giúp bạn có thể suy nghĩ hiệu quả hơn và sáng tạo trong học tập, trong công việc và cuộc sống. Vận dụng tốt các kỹ năng này, bạn sẽ nhận thấy sự cải thiện rõ rệt trong tư duy, trong giao tiếp và hoạt động nhóm.

Để học tốt và ứng dụng được những kiến thức này, bên cạnh việc tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động tại lớp, sự tự học và tham khảo của các bạn để hoàn tất các bài tập tình huống được đưa ra trong tài liệu là một yêu cầu không thể thiếu.

Dựa trên nhiều nguồn tham khảo đáng tin cậy, chúng tôi đã cố gắng tìm ra cách tiếp cận mới để tập bài giảng không rơi vào “lỗi mòn”. Tuy nhiên, do có nhiều quan điểm khác nhau về cấu trúc cũng như nội dung của Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo, và do lần đầu ra mắt nên tài liệu khó tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận những ý kiến đóng góp quý báu của quý thầy cô, các bạn sinh viên và bạn đọc nói chung để tài liệu này được hoàn thiện hơn trong những lần cập nhật sau.

Việc biên soạn bài giảng được phân công như sau:

Phần 1: ThS. Trần Hữu Trần Huy, ThS. Nguyễn Thị Trường Hân, ThS. Nguyễn Đông Triều

Phần 2: ThS. Lại Thế Luyện, ThS. Nguyễn Đông Triều, ThS. Nguyễn Thị Trường Hân, ThS. Trần Hữu Trần Huy

Phần 3: ThS. Nguyễn Thị Trường Hân, ThS. Nguyễn Đông Triều.

Mọi thư từ góp ý xin được gửi về: Bộ môn Kỹ năng mềm - Viện Nghiên cứu Kinh tế ứng dụng – Trường Đại học Tài chính Marketing.

Nhóm biên soạn tài liệu

TaiLieu.vn

PHẦN 1

TỔNG QUAN VỀ TƯ DUY SÁNG TẠO

A. MỤC TIÊU

Sau khi học xong phần này, sinh viên có thể:

- Giải thích được bản chất của sáng tạo và tư duy sáng tạo.
- Nhận thức được vai trò của tư duy sáng tạo đối với sự phát triển của bản thân trong học tập, trong công việc cũng như trong cuộc sống.
- Phân tích các rào cản của tư duy sáng tạo.
- Nhận diện các đặc điểm của những người sáng tạo.
- So sánh sáng tạo và trí thông minh.
- Đánh giá điểm mạnh, điểm hạn chế trong tư duy của bản thân, từ đó xây dựng kế hoạch để cải thiện khả năng tư duy theo hướng sáng tạo hơn cũng như rèn luyện những thói quen cho sự sáng tạo.

B. NỘI DUNG

SUY NGHĨ KHÁC BIỆT

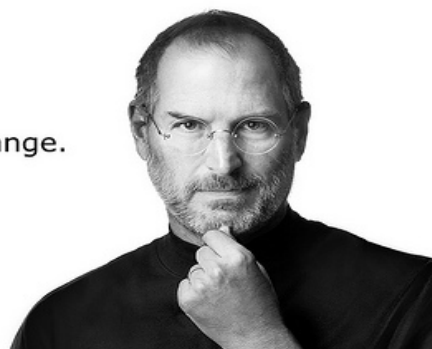
Nhà vật lý từng đạt giải Nobel, Albert Szent-Gyorgyi có một câu nói rất hay: “Khám phá bao gồm việc nhìn những điều mọi người đều nhìn thấy và nghĩ ra một điều gì đó khác biệt”.



Như theo cách nói của nhiều người: “Trong một thế giới phẳng, cái gì tạo nên sự khác biệt thì cái đó có giá trị”. Nói cách khác, để trở nên sáng tạo hơn, tất cả những gì chúng ta cần làm là “nhìn những điều mọi người đều nhìn thấy” và “nghĩ ra một điều gì đó khác biệt”.

You Thought Different,
Nourished creativity,
And sowed seeds of change.

Steve Jobs
1955-2011



Nhưng tại sao chúng ta không “nghĩ ra một điều gì đó khác biệt” thường xuyên hơn? Roger Von Oech, tác giả của cuốn sách “Củ đánh thức tinh trí sáng tạo” đã đưa ra những lý do sau:

Thứ nhất: Chúng ta nghĩ chúng ta không phải sáng tạo trong mọi công việc. Chúng ta luôn có những thói quen nhất định trong cuộc sống. Trong hoạt động của con người, những thói quen đó là những điều không thể thiếu. Không có chúng, cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên hỗn loạn và con người không thể đạt được nhiều thành tựu như hiện nay. Sống với lối suy nghĩ thường nhật cho phép chúng ta làm được rất nhiều việc mà không phải băn khoăn về chúng.

Thứ hai, chúng ta không được dạy để làm như vậy. Hệ thống giáo dục của chúng ta là trò chơi công phu “đoán xem giáo viên đang nghĩ gì”. Nhiều người được dạy rằng những ý tưởng xuất sắc nhất nằm trong đầu người khác.

Tuy nhiên, đôi khi chúng ta cần phải sáng tạo và tạo ra những con đường mới để đạt được mục tiêu của mình. Khi điều này xảy ra, hệ thống lòng tin của chính chúng ta có thể ngăn chúng ta làm như vậy. Và đây chính là lý do thứ ba. Hầu hết chúng ta đều có thái độ khóa chặt tư duy của chúng ta và khiến chúng ta tư duy “đơn điệu hơn”. Những thái độ đó cần thiết cho hầu hết những việc chúng ta làm nhưng lại trở thành vật cản khi chúng ta cố gắng sáng tạo.

“Mỗi ngày là một mặt trời mới”. Câu nói trên của Heraclitus vẫn rất đúng trong thời đại ngày nay. Nó mô tả một thế giới không ngừng thay đổi, nơi những sự vật mới xuất hiện sẽ thay thế cho những sự vật cũ. Và hầu hết mọi người đều biết rằng tư duy sáng tạo là kỹ năng sống còn trong thế giới biến đổi ấy.

Kỹ năng tư duy nói chung, kỹ năng tư duy sáng tạo nói riêng, là một trong những kỹ năng có giá trị nhất mà ngày nay mà chúng ta có thể học. Trong khi ở quá khứ, người ta làm việc dựa vào kỹ năng cơ bắp, thì ngày nay ta làm việc dựa trên kỹ năng tư duy. Chúng ta đang sống trong thời đại thông tin, đó là lý do khiến trí não thay thế cơ bắp, và sức mạnh tư duy có thể thay thế sức mạnh tay chân.

Dù bạn làm việc trong ngành nghề nào, hay là bạn thích loại công việc như thế nào, bạn luôn cần phải ứng dụng các kỹ năng tư duy vào công việc bạn làm. Bạn phải sử dụng nó trong việc ra quyết định, thu thập, sử dụng và phân tích thông tin; cùng hợp tác với người khác để giải quyết vấn đề; đóng góp ý tưởng đổi mới sáng tạo hay nghĩ ra cách cải tiến công việc của bản thân mình.

Việc hiểu biết về bản chất của sáng tạo và tư duy sáng tạo sẽ giúp bạn tự đánh giá những điểm mạnh, điểm hạn chế trong tư duy của bản thân, từ đó có thể xây dựng kế hoạch để cải thiện khả năng tư duy theo hướng sáng tạo hơn.

1. KHÁI NIỆM TƯ DUY SÁNG TẠO

1.1. Khái niệm tư duy

1.1.1. Các định nghĩa tư duy

Dưới góc độ sinh lý học, tư duy được hiểu là một hình thức hoạt động của hệ thần kinh thể hiện qua việc tạo ra các liên kết giữa các phần tử đã ghi nhớ được chọn lọc và kích thích chúng hoạt động để thực hiện sự nhận thức về thế giới xung quanh, định hướng cho hành vi phù hợp với môi trường sống.

Dưới góc độ tâm lý học, tư duy là một hiện tượng tâm lý, là hoạt động nhận thức bậc cao ở con người. Tư duy là một quá trình tâm lý phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ và quan hệ bên trong, có tính chất qui luật của sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan.

Tư duy không những giải quyết được những nhiệm vụ trước mắt mà còn có thể giải quyết cả những nhiệm vụ trong tương lai. Tư duy tiếp nhận thông tin và cải tạo sắp xếp thông tin, làm cho những thông tin này có ý nghĩa hơn trong hoạt động của con người.

Cơ sở sinh lý của tư duy là hoạt động của vỏ đại não. Hoạt động tư duy đồng nghĩa với hoạt động trí tuệ. Mục tiêu của tư duy là tìm ra các triết lý, lý luận, phương pháp luận, phương pháp, giải pháp trong các tình huống hoạt động của con người. [24]

1.1.2. Phân loại tư duy

Có nhiều cách phân loại tư duy, sau đây là một số cách phân loại phổ biến:

Theo GS.VS Nguyễn Cảnh Toàn, GS.TS Nguyễn Văn Lê và nhà giáo Châu An, tư duy được chia ra làm các loại sau:

- Các loại tư duy cơ bản, phổ biến: tư duy logic (dựa trên luật bài trung và tam đoạn luận), tư duy biện chứng và tư duy hình tượng.
- Xét về mức độ độc lập, tư duy được chia thành 4 bậc: tư duy lệ thuộc, tư duy độc lập, tư duy phê phán (phản biện), tư duy sáng tạo.
- Xét đặc điểm của đối tượng để tư duy, tư duy được chia ra làm 2 loại: tư duy trừu tượng và tư duy cụ thể.

Theo GS.TS Nguyễn Quang Uẩn và nhiều tác giả nghiên cứu về tâm lý học đại cương, tư duy được phân loại như sau:

- Xét về mức độ phát triển của tư duy có thể chia tư duy làm 3 loại: Tư duy trực quan – hành động (con người giải quyết nhiệm vụ bằng những hành động cụ thể, thực tế); Tư duy trực quan – hình ảnh (tư duy phụ thuộc vào hình ảnh của đối tượng đang tri giác); Tư duy trừu tượng (giải quyết nhiệm vụ dựa trên việc sử dụng các khái niệm, các kết cấu logic, được tồn tại và vận hành nhờ ngôn ngữ).
- Xét theo hình thức biểu hiện của nhiệm vụ và phương thức giải quyết vấn đề, có: Tư duy thực hành (nhiệm vụ được đề ra một cách trực quan, dưới hình thức cụ thể, phương thức giải quyết là những hành động thực hành); Tư duy hình ảnh cụ thể (giải quyết nhiệm vụ dựa trên những hình ảnh trực quan đã có); Tư duy lý luận (nhiệm vụ đề ra dưới hình thức lý luận, và giải quyết nhiệm vụ đòi hỏi phải sử dụng những khái niệm trừu tượng, những tri thức lý luận).

1.1.3. Các cấp độ tư duy

Theo nhà giáo dục Mỹ Benjamin S. Bloom, tư duy của con người gồm 6 cấp độ, thường được gọi tắt là Thang Bloom (1956) hay Bảng phân loại Bloom (Bloom's Taxonomy):

Cấp độ 1: Biết (Knowledge) – có thể nhắc lại những tài liệu đã học trước đó bằng cách gợi nhớ các sự kiện, thuật ngữ và khái niệm cơ bản.

Cấp độ 2: Hiểu (Comprehension) – chứng tỏ việc hiểu vấn đề và ý tưởng thông qua khả năng sắp xếp, so sánh, diễn giải trình bày các ý chính.

Cấp độ 3: Vận dụng (Application) – Giải quyết các vấn đề bằng cách vận dụng những kiến thức đã học, các sự kiện, phương pháp và quy tắc theo những cách khác nhau.

Cấp độ 4: Phân tích (Analysis) - nghiên cứu và phân chia thông tin thành từng phần thông qua việc xác định động cơ và lý do; tạo ra các lập luận và tìm ra các luận cứ để hỗ trợ cho việc khái quát hóa.

Cấp độ 5: Tổng hợp (Synthesis) – biên soạn và tổng hợp thông tin lại với nhau theo những cách khác nhau, đề xuất những giải pháp thay thế.

Cấp độ 6: Đánh giá (Evaluation) – Trình bày và bảo vệ ý kiến bằng cách đưa ra những phán đoán về thông tin, tính hợp lý của các ý kiến hoặc chất lượng công việc dựa trên các tiêu chí, chuẩn mực.

Nhận thấy thang trên chưa thật sự hoàn chỉnh, vào giữa thập niên 1990, Lorin Anderson, một học trò của Benjamin Bloom, đã cùng một số cộng sự đề xuất sự điều chỉnh (Pohl, 2000) như sau:

Cấp độ 1: Nhớ (Remembering): Có thể nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó. Ví dụ: Viết lại một công thức, đọc lại một bài thơ, mô tả lại một sự kiện, nhận biết phương án đúng.

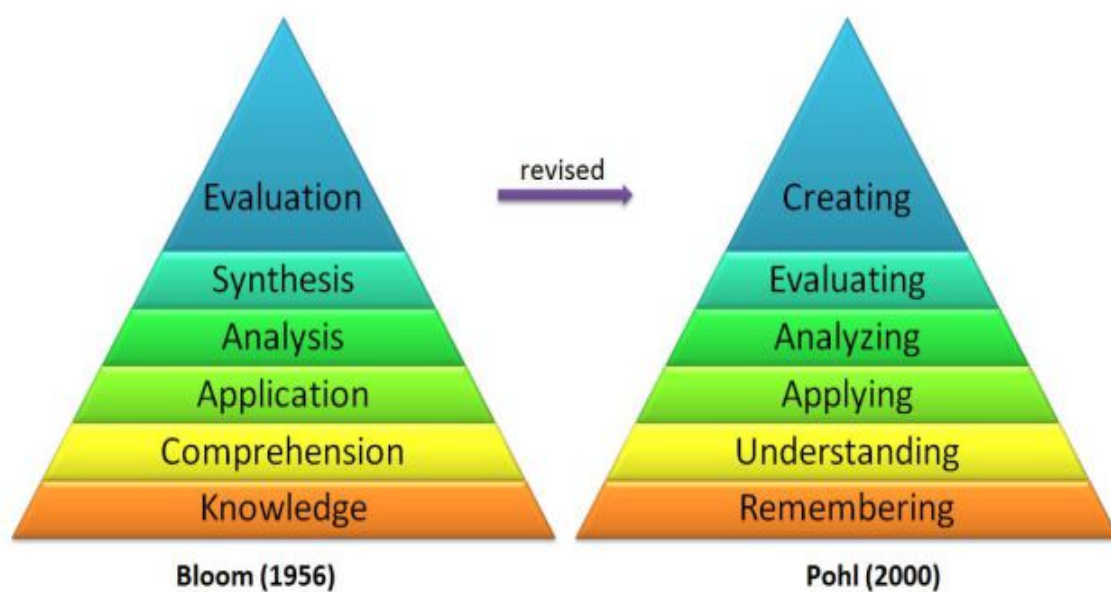
Cấp độ 2: Hiểu (Understanding): Nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát. Ví dụ: Giải thích một định luật, phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một bài báo, trình bày một quan điểm.

Cấp độ 3: Vận dụng (Applying): Áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống, điều kiện mới. Ví dụ: Vận dụng một định luật để giải thích một hiện tượng, áp dụng một công thức để tính toán, thực hiện một thí nghiệm dựa trên qui trình.

Cấp độ 4: Phân tích (Analyzing): Chia thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể. Ví dụ: Lý giải nguyên nhân thất bại của một doanh nghiệp, hệ thống hóa các văn bản pháp qui, xây dựng biểu đồ phát triển của một doanh nghiệp.

Cấp độ 5: Đánh giá (Evaluating): Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với thông tin dựa trên các chuẩn mực, tiêu chí. Ví dụ: Phản biện một nghiên cứu, bài báo; đánh giá khả năng thành công của một giải pháp; chỉ ra các điểm yếu của một lập luận.

Cấp độ 6: Sáng tạo (Creating): Xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có. Ví dụ: Thiết kế một mẫu nhà mới, xây dựng một công thức mới, sáng tác một bài hát; xây dựng hệ thống các tiêu chí để đánh giá một hoạt động; đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế; xây dựng cơ sở lý luận cho một quan điểm; lập kế hoạch tổ chức một sự kiện mới.



(Nguồn: Internet)

Có ba sự thay đổi đáng lưu ý trong sự điều chỉnh này so với Thang Bloom: (1) cấp độ tư duy thấp nhất là Nhớ thay vì Biết, (2) cấp Tổng hợp được bỏ đi và đưa thêm Sáng tạo vào mức cao nhất, (3) các danh động từ được thay cho các danh từ. Sự điều chỉnh này sau đó đã nhận được sự ủng hộ bởi đa số các cơ sở giáo dục, nhất là các trường đại học – nơi đề cao các hoạt động giúp phát triển năng lực sáng tạo của người học. (Trích trong bài viết “Thang cấp độ tư duy Bloom” của TS. Lê Văn Hào – Trường ĐH Nha Trang).

Như vậy, có thể thấy, sáng tạo là cấp độ tư duy cao nhất của con người. Việc phát triển tư duy sáng tạo cho người học đang được đề cao trong các trường học ở nước ta hiện nay, đặc biệt là sinh viên các trường cao đẳng, đại học.

1.2. Khái niệm sáng tạo và tư duy sáng tạo

1.2.1. Định nghĩa về sáng tạo và tư duy sáng tạo

Theo từ điển triết học, sáng tạo là quá trình hoạt động của con người tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần, mới về chất. Các loại hình sáng tạo được xác định bởi đặc trưng nghề nghiệp như khoa học, kỹ thuật, văn học nghệ thuật, tổ chức, quân sự... Có thể nói sáng tạo có mặt trong mọi lĩnh vực của thế giới vật chất và tinh thần (Phan Dũng).

Cái chính yếu của sáng tạo là sự mới mẻ của nó, và bởi thế chúng ta không có tiêu chuẩn qua đó có thể xét đoán nó (Carl Roger).

Nhà tâm lý học Nga L.X. Vurgóttxki khẳng định: “Sự sáng tạo thật ra không phải chỉ có ở nơi nó tạo ra những tác phẩm lịch sử vĩ đại, mà ở khắp nơi nào con người tưởng tượng, phối hợp, biến đổi và tạo ra một cái gì mới, cho dù cái mới ấy nhỏ bé đến đâu đi nữa so với những sáng tạo của các thiên tài”. Trong đời sống hàng ngày, xoay quanh chúng ta, sáng tạo là một điều kiện cần thiết của sự tồn tại và tất cả cái gì vượt qua khuôn khổ cũ và chứa đựng dù chỉ một nét của cái mới, thì nguồn gốc của nó đều do quá trình sáng tạo của con người. [19]

Sáng tạo còn có nghĩa là **tạo ra giá trị mới**, giá trị mới đó có ích hay có hại là tùy theo quan điểm người sử dụng và đối tượng nhận hiệu quả của việc sử dụng. Ở đây, ta luôn coi giá trị mới là có ích cho đối tượng nhận hiệu quả của việc sử dụng [24].

Theo GS.TS Phạm Thành Nghị, sáng tạo có thể được coi là quá trình tiến tới cái mới, là năng lực tạo ra cái mới, sáng tạo được đánh giá trên cơ sở sản phẩm mới, độc đáo và có giá trị. [14, trang 28]

Theo TS. Huỳnh Văn Sơn, sáng tạo gồm 3 thuộc tính cơ bản [19]:

- **Tính mới mẻ:** Sáng tạo phải tạo ra cái gì đó mới mẻ, có thể là mới đối với cá nhân hoặc mới đối với xã hội.
- **Tính độc lập – tự lập:** Tính độc lập – tự lập tồn tại trong cả tư duy và hoạt động. Nó không phải là tính cá nhân hay sự đơn độc mà vẫn có thể có sự phối hợp của nhiều cá nhân dù rằng mỗi cá nhân vẫn giữ sự độc lập của chính mình trong sự phối hợp.

Ở đây, bất kì một cá nhân nào hay tổ chức nào – nhóm sáng tạo ra ý tưởng, khám phá ra ý tưởng cũng bắt đầu từ việc phải độc lập suy nghĩ và tác chiến. Nhờ vào tư duy độc lập thì sáng tạo lấy nó làm tiền đề để nảy sinh giải pháp mới.

- **Tính có lợi:** Sáng tạo phải tạo ra cái mới nhưng cái mới ấy phải đảm bảo tính hiện thực, phục vụ cho lợi ích của con người và xã hội.

Từ các quan điểm trên về sáng tạo, chúng tôi xin đưa ra cách hiểu về sáng tạo được sử dụng trong tài liệu này:

“Sáng tạo có thể được tiếp cận dưới góc độ quá trình hoạt động của con người, hoặc được tiếp cận dưới góc độ nhân cách. Sáng tạo được hiểu là tìm ra cái mới, cách giải quyết mới, có giá trị. Cái mới, có giá trị được thể hiện trong ý tưởng, trong cách thức giải quyết vấn đề, trong sản phẩm ấy có thể diễn ra ở cấp độ cá nhân hoặc/và ở cấp độ xã hội, dựa trên sự độc lập trong tư duy và hoạt động của con người”.

Sáng tạo gắn liền với sự thay đổi, đưa ra cái mới (đổi mới), sáng chế, các ý tưởng mới, các phương án lựa chọn mới. Sự sáng tạo thuộc về năng lực ra quyết định, thuộc về sự kết hợp độc đáo hoặc liên tưởng, phát ra các ý tưởng đạt được kết quả mới và ích lợi. Mọi người có thể dùng tính sáng tạo của mình để đặt vấn đề một cách bao quát, phát triển các phương án lựa chọn, làm phong phú các khả năng và tưởng tượng các hậu quả có thể nảy sinh. Bạn làm được gì mới, khác và có ích lợi, đấy là sáng tạo. Sự sáng tạo nảy sinh ở mọi tầng lớp và mọi giai đoạn trong cuộc sống của chúng ta.

Tư duy sáng tạo là kiểu tư duy đặc biệt, là một quá trình độc đáo, không chỉ là thao tác với những thông tin đã biết theo con đường logic hay lấy ra từ trí nhớ. “Nghĩ sáng tạo là nhìn một vấn đề, một câu hỏi... theo những cách khác với thông thường. Tức là nhìn mọi thứ từ các góc độ, tầm nhìn khác nhau, "nhìn" theo những cách không bị hạn chế bởi thói quen, bởi phong tục, bởi tiêu chuẩn...”

Tư duy sáng tạo được hiểu là: Khả năng giải quyết vấn đề bằng cách tạo ra cái mới, bằng cách thức mới nhưng đạt được kết quả một cách hiệu quả, hoặc Khả năng giải quyết vấn đề hiệu quả dựa trên sự phân tích lựa chọn các giải pháp tốt nhất có thể có. Cách giải quyết này thường là mới, mang tính sáng tạo và hướng đến xu thế tối ưu.

Theo quan điểm của chúng tôi, tư duy sáng tạo là “cách nhìn nhận vấn đề, sự việc, con người... theo những cách thức khác với cách nhìn nhận thông thường - đó là

những cách nhìn mới mẻ - bằng việc sử dụng kiến thức của mình và thay đổi bối cảnh mà chúng ta nghĩ về những kiến thức đó. Nói cách khác, đó là việc “nhìn những điều mọi người đều nhìn thấy và nghĩ ra một điều gì đó khác biệt”. Tư duy sáng tạo phát triển từ tư duy phản biện – một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác cho vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề.

Cơ sở của tư duy sáng tạo là phép phân kỳ trong hoạt động tư duy, đó là hoạt động suy nghĩ để cá nhân tìm ra nhiều phương pháp, nhiều cách giải quyết khác nhau để đạt được kết quả mà vấn đề đặt ra.

Tư duy sáng tạo là chủ đề của một lĩnh vực nghiên cứu còn mới. Nó nhằm tìm ra các phương án, biện pháp thích hợp để kích hoạt khả năng sáng tạo và để tăng cường khả năng tư duy của một cá nhân hay một tập thể cộng đồng làm việc chung về một vấn đề hay lĩnh vực. Ứng dụng chính của loại hình tư duy này là giúp cá nhân hay tập thể thực hành nó tìm ra các phương án, các lời giải từ một phần đến toàn bộ cho các vấn đề. Các vấn đề này không chỉ giới hạn trong các ngành nghiên cứu về khoa học kỹ thuật mà nó có thể thuộc lĩnh vực khác như chính trị, kinh tế, xã hội, nghệ thuật... hoặc trong các phát minh, sáng chế.

Như vậy, học kỹ năng tư duy sáng tạo là học các cách thức, các kỹ thuật để có những cách tiếp cận, nhìn nhận và giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, mới mẻ và hữu ích. Đó là kiểu tư duy ra khỏi “chiếc hộp”, ra khỏi “lối mòn”.



(Nguồn: Internet)

1.2.2. Các cấp độ sáng tạo

Sáng tạo có thể được biểu đạt ở các cấp độ khác nhau. Có thể chia sáng tạo thành 5 cấp độ sau:

- **Sáng tạo biểu đạt:** là sự thể hiện ra bên ngoài những mối quan hệ, liên tưởng trong cuộc sống thường ngày, trong những sản phẩm lao động. Sáng tạo ở cấp độ này thể

hiện trong giao tiếp như sự biểu đạt ý tưởng một cách hóm hỉnh, trong cải biến các quan hệ lao động, trong cuộc sống, các chi tiết mới trong sản phẩm...

- **Sáng chế:** là việc tạo ra những vật dụng, dụng cụ mới chưa từng có trong tự nhiên và trong cuộc sống của con người dựa trên những kiến thức phát hiện được bằng con đường khoa học cũng như những kinh nghiệm thu nhận được trong cuộc sống.

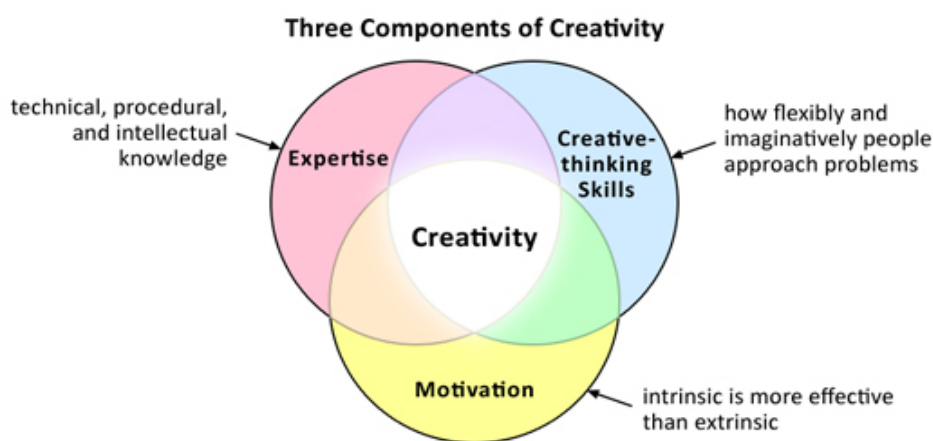
- **Phát minh:** là sự phát hiện ra các quy luật của sự vật hiện tượng có sẵn trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Những quy luật này đang tác động, đang tồn tại nhưng con người, loài người chưa phát hiện ra trước đó.

- **Sáng tạo ở mức cải biến:** là những thay đổi mang lại do tạo ra được những chuyển hóa, những đột phá trong khoa học, công nghệ, những thay đổi trong xã hội nhờ những phát minh, sáng chế trong nhiều lĩnh vực hay những thay đổi trong cách nhìn nhận, cách xử lý tình huống một cách tổng thể có sự tham gia của nhiều nhà khoa học, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực công nghệ nhằm cải biến thực tiễn.

- **Sáng tạo có thể tạo ra các lĩnh vực, ngành nghề mới.**

1.2.3. Ba thành phần của sáng tạo

Nhà khoa học Teresa Amabile cho rằng sáng tạo bao gồm 3 thành phần: (1) **Sự thông thạo kiến thức**; (2) **Những kỹ năng tư duy sáng tạo**; (3) **Động cơ**.



Mô hình 3 nhân tố hình thành sự sáng tạo cá nhân

(Nguồn: Quản lý tính sáng tạo và đổi mới – Tạp chí Business Haverd Review)

- **Sự thông thạo kiến thức:** Rõ ràng để tạo ra một phần mềm mới, các nhà lập trình phải am hiểu rất rõ về các kỹ thuật lập trình cũng như cách thức và quy trình để tạo ra phần mềm. Những nhà soạn nhạc thiên tài phải có kiến thức cực kì uyên bác về âm

nhạc. Vì thế nếu chúng ta có càng nhiều kiến thức về một lĩnh vực nào đó thì khả năng sáng tạo của chúng ta ở lĩnh vực đó càng cao. Vì thế có một định nghĩa khác cho sự sáng tạo là “khả năng sắp xếp những thứ đã có sẵn theo một trật tự mới”. Những nguyên liệu cho sự sáng tạo là các kiến thức có sẵn và những kiến thức này là nền tảng cho lối tư duy của mỗi người. Kiến thức là nền tảng cho những ý tưởng mới. Tuy nhiên, kiến thức chỉ là điều kiện cần để sáng tạo chứ chưa phải là tất cả. Hầu hết chúng ta đã từng gặp những người có kiến thức sâu sắc nhưng vẫn chưa thể đưa ra một ý tưởng sáng tạo nào. Những kiến thức đó chỉ ở trong đầu họ bởi họ chưa bao giờ nghĩ về chúng theo một hướng mới. Như vậy, một điều quan trọng nữa để trở nên sáng tạo nằm ở những gì chúng ta làm với kiến thức của mình, nói cách khác, đó chính là những kỹ năng tư duy sáng tạo.

- **Những kỹ năng tư duy sáng tạo:** được xem là cách con người tiếp cận vấn đề một cách linh hoạt và giàu trí tưởng tượng như thế nào. Những giải pháp mà họ suy nghĩ có khả năng vượt ra những tư duy bình thường. Thuật ngữ này được mô tả là khả năng “suy nghĩ ra ngoài chiếc hộp (thinking out of box)”, tức là những suy nghĩ vượt ra những lề thói thông thường mà chúng ta gặp hàng ngày.

- **Động cơ** được hiểu là các yếu tố thôi thúc cá nhân tìm ra những giải pháp sáng tạo. Nó quy định phương hướng, mục đích, cường độ của hoạt động, thể hiện ở tinh thần say mê, tính tích cực hoạt động được tạo ra chủ yếu nhờ hứng thú, sự thỏa mãn nhu cầu chiếm lĩnh ý tưởng mới, phức tạp và thách thức bằng chính hoạt động sáng tạo.

Người Việt có câu “cái khó ló cái khôn”. Câu này mang ý nghĩa là khi chúng ta rơi vào hoàn cảnh khó khăn thì chúng ta mới có động cơ tìm ra những ý tưởng để giải quyết những vấn đề của mình. Động cơ có thể mang tính hướng nội hay hướng ngoại. Các yếu tố bên ngoài cá nhân như sự thúc đẩy của môi trường, các phần thưởng hay các hình phạt chế tài là các yếu tố có thể thúc đẩy cá nhân phát huy khả năng sáng tạo của mình. Tuy nhiên, những nghiên cứu cũng chỉ ra những động cơ bên trong như niềm đam mê nội tại về lĩnh vực nào đó thì có ảnh hưởng rất quan trọng đến sự sáng tạo. Điều này được chứng minh bởi Daniel Pink trong cuốn sách Động lực 3.0. Con người tiến hóa từ Động lực 1.0 là động cơ sinh tồn lên động lực 2.0 là "cây gậy và củ cà rốt" - tức là động lực bên ngoài, và nay là động lực 3.0 – động lực nội tại bên trong mỗi người. Ở thế kỷ 21, công việc

ngày càng đòi hỏi sáng tạo nên các công ty phải tạo cho người lao động tinh thần đam mê công việc mình đang làm.

Những phân tích trên đây cho chúng ta thấy có thể học được sự sáng tạo từ việc phát triển ba yếu tố: kiến thức, các kỹ năng tư duy sáng tạo và động lực.

Thứ nhất, chúng ta hiểu được để sáng tạo trong lĩnh vực gì thì trước hết phải am hiểu những kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực đó. Cuối cùng, cái mà sáng tạo hướng đến là có thể vận dụng kiến thức nhân loại để phục vụ cuộc sống một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất. Hiểu được nền tảng khoa học hiện tại thì chúng ta mới có thể đưa ra sáng kiến được.

Thứ 2, chúng ta cần rèn luyện các kỹ năng tư duy sáng tạo để có cách tiếp cận vấn đề một cách linh hoạt, mềm dẻo và giàu trí tưởng tượng.

Thứ 3, chúng ta cần tự tạo động cơ, nhất là động cơ bên trong, và được tạo động cơ để thúc đẩy sự sáng tạo trong môi trường học tập cũng như môi trường làm việc.

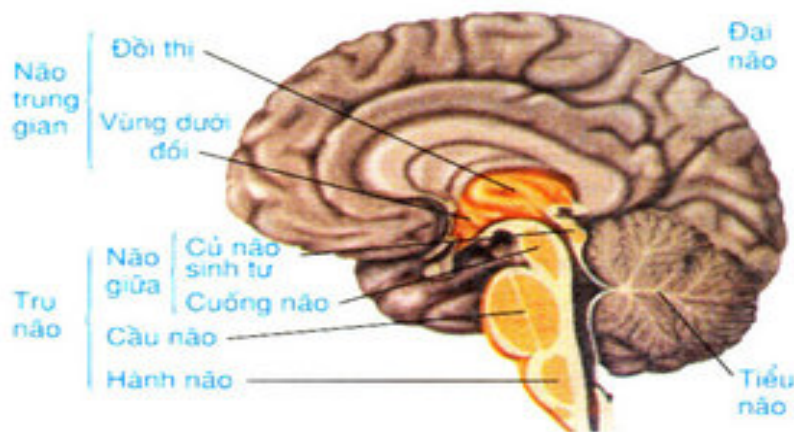
2. CƠ SỞ SINH LÝ THẦN KINH CỦA TƯ DUY SÁNG TẠO

2.1. Cấu tạo, chức năng của bộ não

2.1.1. Tế bào thần kinh

Lao động sáng tạo có nguồn gốc từ hệ thần kinh. Thần kinh trung ương bao gồm bộ não nằm trong sọ và tủy sống nằm trong ống tủy.

Bộ não gồm có 6 phần nằm trong hộp sọ: hai bán cầu đại não, não trung gian, não giữa, cầu não, hành tủy và tiểu não.



Hình 46-1. Não bộ bố dọc

Nguồn: tulieu.violet.vn

Não người trung bình có khoảng 15 tỉ tế bào thần kinh, gọi là nơ-rôn có hình dạng và kích thước rất khác nhau, đường kính 1-50 micromet.

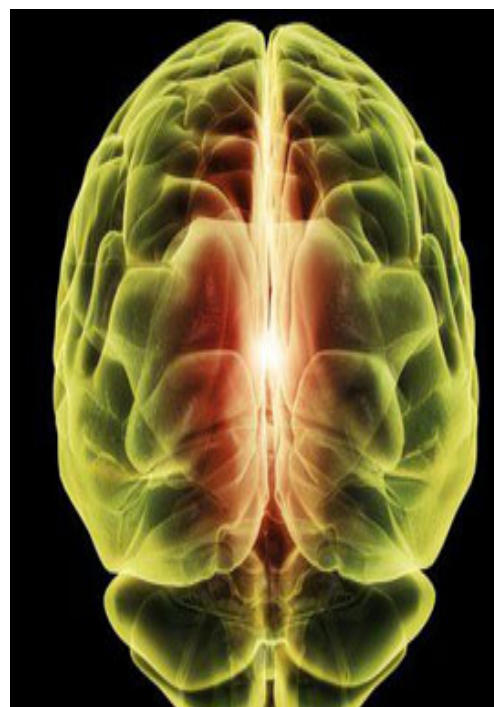
2.1.2. Trụ não và tủy sống

Trụ não và tủy sống là phần dưới của đại não có thể được coi như hệ thần kinh trung ương bậc thấp. Chúng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc điều hòa hoạt động của tất cả các cơ quan trong cơ thể, trong sự thống nhất hoạt động với hệ thần kinh trung ương bậc cao là đại não nhằm làm cho con người thích ứng với môi trường luôn luôn biến đổi để tồn tại và phát triển.

2.1.3. Hai bán cầu đại não

Ngay sau khi đứa trẻ sinh ra, sự chuyển động không xác định của chúng sẽ phát triển dần thành thuận một tay, sáng hơn một mắt và thuận hơn một chân. Bởi vì, hầu hết mọi người đều thuận một bên. Nửa bán cầu đại não sẽ có vai trò nổi trội hơn ở bên phía đối diện. Mặc dù mỗi bên não có một số chức năng trùng lặp với phần não bên kia. Có nhiều chứng cứ và nhiều tranh luận rằng bán cầu đại não phải chịu trách nhiệm về tư duy sáng tạo. Sự suy đoán hơn là chứng cứ khoa học đã dẫn đến quan niệm phân đôi tất cả các chức năng và đưa chúng vào một trong hai bán cầu đại não, như trong bảng sau:

Các chức năng của hai bán cầu não (theo Springer và Deutsch, 1993)	
Bán cầu não trái	Bán cầu não phải
Ngôn ngữ	Phi ngôn ngữ, không gian
Số	Tương tự
Logic, phân tích	Tổng thể, tổng hợp
Duy lý	Trực giác
Vị Tây phương	Vị Đông phương
Trí tuệ	Cảm xúc
Hội tụ	Phân kỳ
Quy nạp	Diễn dịch
Chiều dọc	Chiều ngang
Cụ thể	Trừu tượng
Hiện thực	Tưởng tượng
Định hướng	Tự do
Biểu đạt ra bên ngoài	Ngụ ý bên trong
Khách quan	Chủ quan
Theo thứ tự	Đồng thời



Mặc dù có một số chứng cứ cho sự phân chia này nhưng đây cũng chỉ là kết quả của sự suy đoán hơn là những nghiên cứu công phu. Những người sáng tạo thường xuyên chuyển trọng tâm từ kiểu xử lý logic, đơn chiều của bán cầu não trái sang xử lý tổng thể của bán cầu não phải, ở đó tư duy trực giác đóng vai trò lớn. Ở mức giải phẫu, bán cầu não phải phù hợp hơn với sáng tạo khi có sự liên kết nhiều phần vỏ não với việc xử lý thông tin phức tạp và tích hợp. Tuy nhiên, chúng ta cần phải thận trọng với việc đơn giản hóa chúng. Não bộ luôn làm việc một cách thống nhất, vì vậy, việc cho rằng ở người bình thường, bán cầu não phải có thể tách rời khỏi bán cầu não trái theo cách nào đó là không chính xác và sai lầm (Restak, 1991) (Nguồn: Giáo trình Tâm lý học sáng tạo, Phạm Thành Nghị, trang 150).

2.2. Các quy luật hoạt động của bộ não

Sau đây là một số quy luật hoạt động của não bộ mà bạn cần lưu ý:

- Quy luật 1: Thể dục tốt – Não khỏe

Hãy cải thiện suy nghĩ bằng di chuyển. Kinh nghiệm của nhiều người cho thấy: “Hầu hết những ý tưởng hay đều xuất phát khi đi dạo”. Từ trước tới nay, chúng ta thường mặc định những người “mọt sách” suốt ngày học mới có tư duy, trí tuệ. Nhưng không biết rằng trí tuệ, hiểu biết ta có được cũng qua những trải nghiệm thực tế. Chính những trải nghiệm mới khắc sâu vào trí não của ta. Ở đây, xét về khía cạnh vận động sẽ cấp oxy cho não, do đó não làm việc tốt hơn. Bằng chứng là chúng ta hay có những ý tưởng hay khi ta thông dong đi bộ, hay đang làm một việc gì đó liên quan tới cơ bắp.

- Quy luật 2: Chú ý có giới hạn

Bộ não của chúng ta tập trung trong một khoảng thời gian nhất định, vì thế, trong quá trình tư duy chúng ta hãy thường xuyên thay đổi cách thức hay những hoạt động của mình để bộ não linh hoạt hơn.

- Quy luật 3: Tiếp nhận thông tin vô thức

Bộ não tiếp nhận thông tin không chỉ bằng ý thức mà cả con đường vô thức. Đôi lúc bạn nghĩ “mình đã gặp chuyện này ở đâu nhưng không nhớ”. Khi bạn tiếp nhận một thông tin nào đó thì nó sẽ được “lưu vết” trong não bộ, giống như là cất giữ một cuốn sách, vì thế hãy biết cách sắp xếp thông tin và biết càng nhiều càng tốt.

- Quy luật 4: Liên kết thông tin

Bộ não tiếp nhận thông tin bằng các liên kết các thông tin với nhau, vì thế hãy cải thiện suy nghĩ bằng cách mã hóa. Nhiều lời khuyên: “học phải hiểu thì mới nhớ, chỉ cần hiểu chứ không cần nhớ lâu”.

- Quy luật 5: Phối hợp giác quan

Bộ não kích thích khi phối hợp các giác quan. Phải đặt mình trong một môi trường thoải mái thì bộ não mới phát huy tiềm năng của mình được.

2.3. Một số thông tin về bộ não

Bộ não là tài sản quý giá nhất mà con người có. Cách sử dụng tài sản này tạo nên thành công hay thất bại trong công việc cũng như cuộc sống. Sau đây là một số thông tin thú vị về bộ não:

- Cấu tạo của bộ não con người vô cùng phức tạp. Điều làm cho con người khác với đa số động vật khác là kích thước của bán cầu não. Đó là nơi chứa chất xám cần thiết cho sự sống cũng như khả năng sử dụng ngôn ngữ, biết đọc và biết viết của con người. Não bộ thông qua các giác quan, giúp chúng ta nhận thức được môi trường xung quanh, do đó có khả năng điều chỉnh và thích ứng với từng môi trường, hoàn cảnh khác nhau.

- Não có một năng lực làm việc tuyệt vời, chỉ cần một giấc ngủ ngắn thôi cũng đủ để cho não nạp lại năng lượng cần thiết và duy trì hoạt động trở lại với hiệu suất bình thường. Não duy trì sự kiểm soát với một số bộ phận cơ thể bằng những mối giao tiếp qua trung gian tuỷ sống và các dây thần kinh. Các dây thần kinh giác quan chuyển tải thông tin đến não, não sàng lọc những thông tin này, sau đó gửi những tín hiệu xuống cho cơ bắp, xương và khớp thông qua các dây thần kinh vận động. Kết quả là những bộ phận của cơ thể sẽ cử động và hành động theo sự chỉ huy của não bộ.

- Não của một người lớn nặng trung bình khoảng 1,4 kg. Não của trẻ sơ sinh trung bình nặng 390g, của trẻ 9 tháng tuổi là 660g, 3 tuổi: 1000g, 7 tuổi: trung bình là 1280g. Ở từng con người cụ thể thì vẫn đề lại vô cùng phức tạp. Não của nhà văn Nga Turgenev nặng 2012g, của nhà thơ Anh Byron nặng 1807g, của nhà triết học Đức Kant 1650g, của nhà thơ Dante 1420g, của nhà toán học Gauss 1490g, của nhà sử học Đức Tawringe 1207g, của Einstein nặng 1,2 kg, của nhà văn Pháp Anatone France 1017g.

- Theo các nghiên cứu khoa học thì não người có nhiều gam màu tổng hợp, thiên về gam màu xám, vì vậy mà nó được gọi là chất xám. Chất xám này tồn tại ở rất nhiều bộ

phần trong não, nó chứa rất nhiều loại tế bào khác nhau bởi vậy não còn có chứa các chất trắng gồm các dây thần kinh phối lấp với các chất xám.

- Não của người là não tiến hóa mức cao nhất. Có khả năng suy luận và tư duy trừu tượng. Con người có khả năng nhìn bằng tiềm thức. Dẫn đến hiện tượng ảo giác và có thể nhìn thấy điều không có trên thực tế.

- Não người có nhiều nếp nhăn. Theo quy luật tiến hóa và để phù hợp với tỷ trọng của cơ thể, não người tự nó phát triển và gói gọn trong hộp sọ với nhiều nếp gấp khác nhau, có những lớp giống nhau, chỗ lồi gọi là gyri và chỗ lõm gọi là sulci. Kích thước của những vùng này cũng không đồng nhất, độ lớn nhỏ tùy thuộc độ tuổi và từng cá thể vì vậy ngay từ khi ở trong bào thai, não đã được hình thành và phát triển, đến tuần thứ 40 sẽ có những nếp nhăn rõ ràng. Khi người ta học tập, nghiên cứu thì nếp nhăn này quả thực có thay đổi nhưng không hề thêm số lượng các sulci lẫn gyri. Hiện tượng này được gọi là quá trình giãn nở của não.

- Sự phát triển mạnh mẽ nhất của bộ não xảy ra ở tuổi từ 2-11. Thức khuya hay uống rượu hoặc hút thuốc lá nhiều sẽ làm chết các nơ ron thần kinh làm não giảm bộ nhớ.

- Con người càng có học vấn thì khả năng mắc bệnh về não càng ít. Hoạt tính trí óc kích thích sự sản xuất mô bổ sung bù lại mô bị bệnh.

- Thực hiện những hoạt động không quen thuộc là một cách tốt nhất để phát triển bộ não. Sự giao thiệp với những người vượt bạn về trí tuệ cũng là cách tác động mạnh đến sự phát triển.

- Từ đầu thế kỷ 20, nhiều nhà khoa học trong đó có Giáo Sư Williams James đã nghiên cứu và phát hiện thấy con người mới sử dụng khoảng 10% năng lực của bộ não. Tuy nhiên gần đây, nhờ khoa học phát triển và kỹ thuật quét não, kỹ thuật neuron-imaging, giới nghiên cứu đã có thể quan sát kỹ hơn cấu trúc của não cũng như các hoạt động của nó và phát hiện thấy sự sai lầm của giả thuyết nói trên. Theo đó, không phải lúc nào con người cũng sử dụng hết công suất của não, song nhiều vùng của não thường xuyên kết hợp với nhau, tuyệt nhiên không hề có vùng não nào là không hoạt động, ngay cả khi con người nghỉ ngơi. Ví dụ khi ta nhai một miếng bánh thì hầu hết các bộ phận của não đều hoạt động, đảm nhận các chức năng của nó như quan sát, cảm nhận đánh giá, kiểm chứng... hoặc khi ngủ não bộ cũng không hề nghỉ.

3. CÁC RÀO CẢN CỦA TƯ DUY SÁNG TẠO

Những rào cản đối với tư duy sáng tạo là những yếu tố gây trở ngại cho hoạt động tư duy tìm kiếm những giải pháp, những hướng đi mới để giải quyết vấn đề đặt ra. Đó là sự thiếu hụt tính mạo hiểm và tính cởi mở trong tư duy cũng như không có câu hỏi hay chiến lược kích thích, gợi ý để thoát khỏi thông tin cũ, ý tưởng cũ đang thống trị để tạo ra con đường mới dẫn đến sản phẩm mới. Sau đây là những rào cản phổ biến:

3.1. Rào cản về văn hóa

Văn hóa là một khái niệm rất rộng, trong đó những giá trị vật chất và tinh thần được sử dụng làm nền tảng định hướng cho lối sống, đạo lý, tâm hồn và hành động của mỗi dân tộc và các thành viên để vươn tới chân – thiện – mỹ trong mối quan hệ giữa người với người, giữa con người với tự nhiên và môi trường xã hội.

Văn hóa còn được hiểu là những qui luật chủ quan được một cộng đồng thừa nhận và tôn trọng. Mỗi con người sinh ra và lớn lên trong một hoàn cảnh khác nhau nên thấm đẫm một không gian văn hóa khác nhau. Nếu cộng đồng là gia tộc thì có văn hóa gia tộc, nếu cộng đồng là doanh nghiệp thì có văn hóa doanh nghiệp, nếu cộng đồng là vùng miền thì có văn hóa vùng miền...

Một số nền văn hóa chỉ chấp nhận một câu trả lời đúng. Các thành viên không được khuyến khích tưởng tượng hay mơ ước về các cơ hội. Giải quyết vấn đề được tiến hành rất chặt chẽ theo từng bước, theo trật tự và theo truyền thống. Đối với nhiều nền văn hóa khác, sự mềm dẻo, tự do, bầu không khí sáng tạo và cởi mở có mặt trong tổ chức, cộng đồng. Ở giai đoạn tuổi thơ, trẻ em được khuyến khích tư duy sáng tạo. Nếu trẻ được khuyến khích mạo hiểm, hài hước với những ý tưởng mới và tưởng tượng các cơ hội bất thường, thói quen này sẽ đi cùng với họ trong phần còn lại của cuộc đời [14]. Chẳng hạn, sự khác biệt về văn hóa các nước phương Tây và nhiều nước phương Đông. Các nước phương Tây thường đề cao sự tư duy độc lập trong cách suy nghĩ và đề cao sự khác biệt mới lạ cũng như tư duy phản biện. Ngược lại văn hóa phương Đông đề cao tư duy tập thể.

Văn hóa doanh nghiệp cũng ảnh hưởng tới cách thức tư duy của người lao động. Rõ ràng nếu một công ty mà ban lãnh đạo cởi mở tư duy thì các thành viên trong công ty mới có điều kiện phát huy sự sáng tạo của mình trong môi trường làm việc.